

Bản án số: 515/2021/HS-PT

Ngày: 15 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Vũ Ngọc Huynh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 48/2020/TLPT-HS ngày 14 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo Trần Thị Thu P, Trần Văn M, Ma Đ, Nguyễn Thanh H do có kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/Trần Thị Thu P, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1964, tại Thái Bình; Nơi đăng ký HKTT: Khu phố X5, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/10; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Đăng Q (đã chết), con bà Nguyễn Thị B (đã chết); Chồng là Trương Phi L (đã chết); Có 4 người con lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự : Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/9/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2/Trần Văn M, sinh ngày 27 tháng 10 năm 1960, tại Hà Nội; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 10/10; Nghề nghiệp: Không. Nơi cư trú: phường N, thị xã S, Thành phố Hà Nội. Con ông Trần Quang S (chết), con bà: Nguyễn Thị A, sinh năm 1936; Vợ là Phan Thị A1, sinh năm 1964. Có 2 người con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự : Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/10/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

3/Nguyễn Thanh H, sinh ngày 12 tháng 7 năm 1951, tại Hà Nam; Nơi cư trú: phố V, phường V, quận B, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 10/10; Nghề nghiệp: Không. Con ông Nguyễn Công T (đã chết), con bà: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1925 (đã chết); Vợ là Chu Thị Thu H1, sinh năm 1976 (không đăng ký kết hôn). Có 3 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/11/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- *Bị cáo liên quan đến kháng cáo:* Ma Đ, sinh ngày 16 tháng 12 năm 1978, tại Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn P xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Chu Ru; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Tin lành; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Ya H2 (chết), con bà: Ma P1; Có chồng Ya P1 (Phương), sinh năm 1974. Có 3 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự : Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/9/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- *Người bào chữa:*

1/Bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thu P theo yêu cầu: Luật sư Đồng Mây Hồng T2 - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/Bào chữa cho bị cáo Ma Đ và bị cáo Nguyễn Thanh H theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Đào Văn P4 – Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận. (có mặt).

3/Bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thu P và Trần Văn M theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Hứa Thanh K2 – Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

- *Người bị hại:* Bà Hoàng Thị Phương T5, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Nơi cư trú: KĐT M, Tổ x13, phường M, Từ L, Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Ya P1, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm: 1975 (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố x5, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết từ trước, ông Nguyễn Ngọc C5 gặp bị cáo Nguyễn Thanh H tại khách sạn X, Ninh Thuận. H giới thiệu với ông C5: H đang mua bán vật gia bảo (thiên thạch) của Ma Đ cùng với Trần Thị Thu P, Trần Văn M, H đưa “*Biên bản thống nhất quyền lợi thụ hưởng của các nhà đầu tư*” cho ông C5 xem để ông C5 tin, H khẳng định đã nhìn thấy cái ly thủy tinh rạn nứt do thử thiên thạch,

cam kết với ông C5 gia bảo nhà Ma Đ có thật, H đã đầu tư nhiều, hứa cuối năm cho ông C5 một xe ô tô, H giới thiệu ông C5 với P và M, cả ba bị cáo P, M, H giới thiệu P quen biết Ma Đ ở Đ1, Ma Đ có vật gia bảo (thiên thạch) đang cất khu vực Hầm ở thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận, gia bảo do Thầy Cả giữ, vật bị yếm bùa cô gái đồng trinh giữ đến 32 đời nên phải cúng rất nhiều tiền giải trừ ma quỷ thì ông bà mới cho ra mang bán. P nói trực tiếp được Ma Đ và chồng dẫn đi thôn Đ, P, B kiểm tra, thử hàng, xác định đúng thiên thạch (đồng đen) thật, có hình như cái chiêng, nặng khoảng 17 kg, giữa có núm lõi, khi ộp sát ly thủy tinh vào thì cái ly rạn nứt, P nói đã tìm được đối tác (T7 và D1 người Hồng Kông) hứa mua 100 triệu USD/kg, nếu ông C5 góp 100 triệu đồng sẽ được 01 triệu USD, nếu góp 01 tỷ đồng sẽ được 10 triệu USD. Các bị cáo P, M, H yêu cầu ông C5 ứng trước tiền để cúng, cúng liên tục thầy mới cho mang ra bán, yêu cầu ông C5 phải giữ bí mật. ông C5 giới thiệu P là chủ dự án, P đã mua vật gia bảo này, đã bỏ nhiều tiền để cúng, M và H cũng đầu tư nhiều vào dự án nhưng chưa xong, cả ba cam kết vật gia bảo (thiên thạch) nhà Ma Đ có thật, đã được xem, thử hàng, đầu năm 2013 do hết tiền nên cả ba ông C5 mời ông C5 tham gia đầu tư.

Thấy lợi nhuận, tin vào các đối tượng, nên từ 2013 đến 2017 ông C5 nhiều lần đưa tiền cho P, H, M, Đ, tổng số 1.537.200.000đ (giao P 1.330.000.000 đồng; giao cho M 30.200.000 đồng; giao cho H 90.000.000 đồng; giao Ma Đ 87.000.000 đồng). Cụ thể : Tháng 8,9/2013 ông C5 đưa H 2 lần 90.000.000 đồng; Năm 2013, 2014 và 2015 ông C5 đưa nhiều lần cho P (chuyển khoản và trực tiếp) số tiền 1.330.000.000đ, P có viết biên nhận ngày 20/4/2016. Tháng 10/2014 ông C5 đưa 2 lần trực tiếp Ma Đ 87.000.000 đồng. Năm 2017, 2018 ông C5 chuyển vào tài khoản cho M 118.000.000 đồng, M chỉ thừa nhận 30.200.000 đồng .

Đầu năm 2014 do hết tiền, ông C5 nói con gái Nguyễn Thị Ngọc H8 tham gia đầu tư, thông qua ông C5, ông C5 tiếp cận H8, mời H8 tham gia góp vốn đầu tư, cả ba bị cáo ông C5 cũng giới thiệu vật gia bảo như giới thiệu với ông C5, cam kết vật gia bảo có thật, tin vào lời nói của ông C5, và do ham lợi, từ năm 2014 đến 2016 chị H8 nhiều lần chuyển tiền cho ông C5, tổng số tiền 5.817.100.000đ, cụ thể: H8 chuyển cho H 1.325.000.000 đồng; chuyển cho M: 770.000.000 đồng; chuyển vào tài khoản cho P 3.637.100.000 đồng, đưa tiền mặt trực tiếp 85.000.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo ông C5, Đ nhận của ông Nguyễn Ngọc C5 và Nguyễn Thị Ngọc H8 là 7.354.300.000 đồng (trong đó P nhận 5.052.100.000đ, M nhận 800.200.000đ; H nhận 1.415.000.000đ, Đ nhận 87.000.000 đồng).

Quá trình điều tra, Ma Đ khai nhận: Gia đình không có vật gia bảo hay cái chiêng nào cả, chưa nhìn thấy cái chiêng ở đâu, dòng họ cũng không bán và hứa bán vật gia bảo (thiên thạch), nhưng do hám lợi, nên Đ làm theo lời dặn của P “*nếu ai hỏi thì cứ nói có hàng thật, P cho tiền*”, do đó từ năm 2012 đến 2018 khi có người hỏi Đ xác nhận có hàng như lời dặn của P; Đ được ông C5, C5 cho tiền, tổng cộng 1.974.370.000đ, cụ thể:

- Năm 2012 Đ nhận tiền cúng của P nhiều lần, tổng số 500 triệu đồng.
- Từ 2014 đến 2016 Đ nhận tiền cúng do P, M đưa mỗi tháng 2 lần (ngày rằm và mùng một) mỗi lần khoảng 7.000.000 đồng, không có giấy tờ, mỗi tháng 14 triệu, cộng 3 năm là 500.000.000 đồng;
- Đầu năm 2014 P, M đưa Đ 7.000.000 đồng, có kèm trái cây tại cây xăng P, B M đưa Đ ký vào giấy, Đ không đọc, không kiểm tra nội dung nên ký biên nhận tiền ngày 19/3/2014;
- Tháng 10/2014 ông C5 đưa Đ 60.000.000 đồng, vào buổi tối tại đường đi P, N, M có đưa Đ ký vào giấy, Đ không đọc nội dung tờ giấy nhưng ký vào biên nhận tiền ghi ngày 09/10/2014;
- Năm 2014 Đ nhận 270.000.000 đồng do M đưa tại T, Đ có ký tờ biên nhận nhưng không đọc nên không rõ nội dung ghi;
- Tháng 3/2015 Đ nhận 70.000.000 đồng tại T do M đưa, Đ cũng ký vào tờ giấy nhận tiền ngày 25/5/2015 ghi sẵn do M đưa ký, Đ không đọc nên không rõ nội dung ;
- Năm 2014 ông C5 đưa trực tiếp cho Đ 27.000.000 đồng tại chân đèo S; trong năm 2018 M chuyển khoản cho Đ 540.370.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định các bị cáo ông C5, Đ còn có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền một số cá nhân như sau:

Năm 2013, thông qua ông C5, bị cáo H quen với Nguyễn Văn B3, H giới thiệu làm dự án Titan tại Ninh thuận, H hỏi vay tiền của ông B3 làm dự án, hứa trả lãi gốc, cho ông B3 khoản tiền lớn, ông B3 chuyển khoản cho H 380 triệu đồng, H không trả như đã hứa mà chiếm đoạt sử dụng.

Năm 2015 cũng bằng thủ đoạn đầu tư mua thiên thạch, bị cáo P rủ Lê Minh T9, hứa sẽ trả cho anh T9 1 triệu USD, do ham lợi T9 nhiều lần chuyển tiền cho P, từ 2015 đến 2018 số tiền 204 triệu đồng, P chỉ thừa nhận 160 triệu đồng.

- Từ 6/2015 đến đầu năm 2018 cũng bằng thủ đoạn mua bán thiên thạch, các bị cáo P, M, Đ lừa đảo của chị Nguyễn Thị H6, Quảng Ninh số tiền 3,9 tỷ đồng (trong số tiền này có 1.434.000.000đ của chị Hoàng Thị Phương T5 ở T, Hà Nội), sau khi nhận tiền, M chuyển cho Đ 380.370.000đ, còn lại M, P chia nhau, chị H6 không tố cáo, yêu cầu xử lý.

- Năm 2018, thông qua T5, anh Ngô Quang V quen với P và M, P và M cũng rủ V tham gia mua và cúng gia bảo, P và M cũng cam kết đầu tư 100 triệu sẽ được hưởng lợi nhuận 1 triệu USD. Tin tưởng, nên V chuyển 403.100.000đ cho M và P vào tháng 9/2018, M chuyển cho Đ 160.000.000 đồng, còn lại 243.100.000 đồng cả hai chia nhau.

Ngoài ra, P và M lừa đảo một số người, nhưng họ không làm đơn tố cáo :

- Năm 2012 cũng bằng thủ đoạn mua bán, cúng vật gia bảo (thiên thạch) lừa đảo, chiếm đoạt tiền của Phùng Văn M5 878.500.000đ, ông Phùng Huy M6 phát hiện bị lừa, yêu cầu trả tiền nếu không sẽ tố cáo, P và M sợ bị lộ nên sang nhượng lại phần của Huy M6, P và M lấy tiền của ông C5 trả cho Phùng Huy M6.

- Từ tháng 6 năm 2015 đến đầu năm 2018 cũng bằng thủ đoạn trên, P và M lừa đảo chị Nguyễn Thị H6 số tiền 2.465.700.000 đ, chị H6 không tố cáo.

- Trong năm 2013, P lừa đảo chiếm đoạt của chị Đoàn Thị Thanh L7 số tiền 250.000.000 đồng, sau đó P và M lấy tiền của ông C5, chị H8 trả cho chị L7, do đó chị L7 không tố cáo yêu cầu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm 18/2019/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015 được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị Thu P, Trần Văn M, Ma Đ và Nguyễn Thanh H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: Điểm a Khoản 4 Điều 139; Điểm a, g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt: Trần Thị Thu P 19 (Mười chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2018.

- Xử phạt: Trần Văn M 18 (Mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2018.

Căn cứ: Điểm a Khoản 4 Điều 139; Điểm p Khoản 1 Điều 46, điểm a, g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Nguyễn Thanh H 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/11/2018.

Căn cứ: Điểm a Khoản 4 Điều 139; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điểm a, g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Ma Đ 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 18/12/2019 các bị cáo Trần Thị Thu P, Nguyễn Thanh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Trần Văn M kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do bỏ lọt tội phạm.

- Ngày 16/12/2019 người bị hại bà Hoàng Thị Phương T5 kháng cáo với nội dung hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do bỏ lọt tội phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Thị Thu P, Nguyễn Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Trần Văn M thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người bị hại bà Hoàng Thị Phương T5 có kháng cáo nhưng vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét đơn kháng cáo của các bị cáo và người bị hại, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, kháng cáo của các bị cáo và người bị hại không có căn cứ chấp nhận. Từ đó, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Trần Thị Thu P trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng không thành khẩn khai báo đối với bị cáo P. Tuy nhiên đến thời điểm này, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người bào chữa theo yêu cầu của Tòa cho bị cáo Trần Thị Thu P và Trần Văn M trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo P 19 năm tù, bị cáo M 18 năm tù, đến thời điểm hiện tại, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo giao tiền cho Ma Đ nên đến hiện tại ai cũng bị thiệt hại nhiều, bị cáo P và bị cáo M đều không có hưởng lợi gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tăng nặng hình phạt với Ma Đ. Bị cáo M và P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Người bào chữa theo yêu cầu của Tòa án cho bị cáo Ma Đ và bị cáo Nguyễn Thanh H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H và bị cáo Ma Đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Thu P, Nguyễn Thanh H, Trần Văn M làm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn M thay đổi nội dung kháng cáo từ đề nghị hủy bản án sơ thẩm sang xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy,

nội dung thay đổi của bị cáo không vượt quá phạm vi yêu cầu kháng cáo ban đầu nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại bà Hoàng Thị Phương T5 có kháng cáo, đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, hồ sơ vụ án đã có lời khai ý kiến trình bày của bà T5. Nội dung yêu cầu kháng cáo đã được bà T5 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bà T5 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Các bị cáo Trần Thị Thu P, Ma Đ, Trần Văn M và Nguyễn Thanh H chưa từng nhìn thấy cái chiêng, hay vật gia bảo (thiên thạch) của dòng họ bị cáo Ma Đ, cũng không biết để ở đâu, do ai giữ. Tuy nhiên, các bị cáo đã cấu kết với nhau để lừa bán thiên thạch, đồng đen cho những người bị hại để thu lợi. Từ 2013 đến 2018, các bị cáo đã lừa bán cho 06 người bị hại Nguyễn Ngọc C5, Nguyễn Thị Ngọc H8, Nguyễn Văn B3, Lê Minh T9, Ngô Quang V và Hoàng Thị Phương T5 với tổng số tiền là 9.731.700.000đ.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Nghị quyết 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 xét xử các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a Khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Thị Thu P, Trần Văn M và Nguyễn Thanh H:

[3.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm. Các bị cáo phạm tội có tổ chức, có sự thống nhất cách thức loan tin, cùng đưa ra các lý do, cấu kết với nhau trong thời gian dài; Có phân công cho người tạo ra những căn cứ giả tạo, các giấy tờ biên nhận tiền đánh sẵn số tiền Ma Đ nhận nhằm làm cho người khác tin tưởng để huy động vốn, góp cổ phần, vay mượn... Từ năm 2013 đến năm 2018, các bị cáo đã chiếm đoạt của những người bị hại tổng cộng số tiền là 9.731.700.000đ. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.2] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá vai trò tham gia của từng bị cáo. Các bị cáo phạm tội có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội có tổ chức và phạm tội nhiều lần theo điểm a, g khoản 1 Điều 48 Bộ Luật hình sự năm 1999.

Trong vụ án, bị cáo P là người giữ vai trò chủ mưu, lợi dụng bị cáo Ma Đ là người dân tộc ít người để tạo nên những thông tin giả, mang tính thần thánh, mê tín, phản khoa học, đưa ra giá cả, lợi ích cao, đối tác người nước ngoài, nhằm làm cho người khác tin để dễ dàng đưa tiền cho bị cáo. P giới thiệu là chủ dự án thiên thạch, đã theo từ lâu, vật gia bảo bị yểm gải đồng trinh 32 đời, phải

cúng, giá 100 triệu USD/kg đã có người mua ... cùng với Trần Văn M, Nguyễn Thanh H tạo những giấy tờ cam kết nhận tiền do Trần Văn M soạn sẵn, đưa cho Ma Đ ký nhằm có cơ để tạo cho người đưa tiền cho ông C5 tin rằng số tiền các bị cáo nhận của bị hại đã đưa hết cho Ma Đ, chủ vật gia bảo, như cam kết. Bản thân bị cáo chiếm đoạt số tiền 5.578.215.000đ.

Trần Văn M biết việc P tung tin giả mạo nhưng bị cáo vẫn giúp sức cho P để người bị hại tin là thật, tạo dựng biên bản thống nhất quyền lợi các chủ đầu tư. Để cho người bị hại tin tưởng số tiền đã chuyển cho Ma Đ, M và P soạn sẵn các tờ giấy biên nhận tiền tiền. Do Ma Đ không biết chữ nên khi đưa tiền cho Ma Đ, các bị cáo chỉ cho Ma Đ ký nhận rồi đi, không đọc cho Đ nghe, nhưng thực tế những lần P, M đưa tiền cho Đ không đúng như trong các giấy biên nhận mà Minh đánh vi tính sẵn. Số tiền bị cáo Minh chiếm đoạt, được hưởng 1.166.415.000đ.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh H: Mặc dù bản thân bị cáo không biết và không thấy thiên thạch như thế nào, không hiểu tác dụng của vật chất này, chưa thấy cái chiêng, vật gia bảo, cũng chưa dự cúng lần nào với Ma Đ nhưng H đã ngầm thỏa thuận cùng ý chí với P, M lừa đảo ông C5, bà H8, con ông C5, chuyển tiền cho H để chiếm đoạt tài sản. Ngoài ra, H lợi dụng lòng tin của gia đình ông C5, thông qua ông C5, tiếp tục lừa đảo ông B3, bạn ông C5 để lấy 380.000.000đ. Số tiền H hưởng lợi là 1.512.700.000đ.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội như trên thì mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo P và M không thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của 02 bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh H: Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, nhưng xét bị cáo phạm tội với vai trò hạn chế so với các bị cáo còn lại. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm, bị cáo đều thành khẩn khai báo. Để thể hiện tính khoan hồng và nhân đạo của pháp luật và tương xứng với mức độ vai trò tham gia của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt cũng đã đủ răn đe và giáo dục bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của người bị hại bà Hoàng Thị Phương T5:

bà T5 kháng cáo yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự và dân sự đối với bà Nguyễn Thị H6. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định bà H6 là người làm chứng. Trong phạm vi giới hạn xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét những nội dung chưa được cấp sơ thẩm giải quyết. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của bà T5 là không có

cơ sở chấp nhận. Trong trường hợp có căn cứ xác định bà H6 có hành vi vi phạm pháp luật, đương sự có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều tra, xem xét.

[5] Đối với bị cáo Ma Đ thì sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không có kháng cáo. Nội dung kháng cáo của các bị cáo còn lại và kháng cáo của người bị hại không liên quan đến tội danh và hình phạt của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét phần nội dung của bản án sơ thẩm có liên quan đến bị cáo.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Thị Thu P, Trần Văn M, Nguyễn Thanh H; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị hại bà Hoàng Thị Phương T5; Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo P, Hải, Minh.

[7] Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo có kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Thu P, Trần Văn M, Nguyễn Thanh H; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị hại bà Hoàng Thị Phương T5; Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 06/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Thị Thu P, Trần Văn M, Nguyễn Thanh H.

Áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015 được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị Thu P, Trần Văn M, Ma Đ và Nguyễn Thanh H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: Điểm a Khoản 4 Điều 139; Điểm a, g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

- Xử phạt: Trần Thị Thu P 18 (Mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2018.

- Xử phạt: Trần Văn M 17 (Mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2018.

Căn cứ: Điểm a Khoản 4 Điều 139; Điểm p Khoản 1 Điều 46, điểm a, g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Nguyễn Thanh H 15 (Mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/11/2018.

Căn cứ: Điểm a Khoản 4 Điều 139; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điểm a, g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Ma Đ 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2018.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Các bị cáo Trần Thị Thu P, Trần Văn M, Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Ninh Thuận (05 bản);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Công an tỉnh Ninh Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- TTG CA tỉnh Ninh Thuận;
- (Tổng đạt cho bị cáo)
- Lưu (10) 26b (Án39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười